

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14a/2024/HS-ST
Ngày: 11/3/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Em
2. Ông Bùi Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thái Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 27/02/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 15/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị U,** Giới tính: Nữ

Sinh năm: 1984.

Nơi sinh: Bình Thuận.

Nơi cư trú: thôn D, xã T, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

Trình độ học vấn: 04/12

Nghề nghiệp: Làm nông

Cha: Nguyễn Đ, sinh năm 1927 (đã chết)

Mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1946 (đã chết)

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba.

Chồng: Trần C, sinh năm 1977 (đã ly hôn).

Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2005.

Hiện cùng ở thôn A, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại tại địa phương và áp dụng biện pháp ngăn chặn
Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị hại: Ông Trần Xuân H, sinh năm 1958,

Địa chỉ: thôn D, xã T, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

– Anh Trương Đ, sinh năm 1993,

Địa chỉ: Thôn Tr, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

– Ông P, sinh năm 1957

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn M, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Toàn, những người còn lại có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 07/7/2023, Nguyễn Thị U, sinh năm 1984, ở thôn D, xã T ngồi nhậu với ông Trần Xuân H, sinh năm 1958, ở thôn D, xã T tại nhà U, U hỏi xin ông Hải 200.000 đồng để đi sinh nhật con đứa bạn thì ông Hải nói không có tiền, để nhậu xong rồi tính.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, ông Hải đi đến nhà ông Nguyễn Văn C ở thôn D, xã T để thăm ông C. Một lúc sau, U gọi điện cho ông Hải hỏi đang ở đâu thì ông Hải trả lời đang ở nhà ông C. Đến khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, U cùng bạn trai là Trương Đ, sinh năm 1993, ở Thôn Tr, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) của U đi đến nhà ông C gặp ông Hải. Tại đây, U vào gặp ông Hải hỏi mượn xe mô tô để đi chơi, ông Hải đồng ý, đưa xe mô tô 86B3 – 139.09 và giấy đăng ký xe mô tô cho U. Sau đó, U điều khiển xe mô tô biển số 86B3 – 139.09, còn Toàn điều khiển xe mô tô của U cùng đi xuống thị trấn Ma Lâm. Khi xuống Ma Lâm thì U vào nhà của bạn là bà Nguyễn Thị Bích Phượng, sinh năm 1985, ở khu phố 1, thị trấn Ma Lâm ngồi chơi game. Được một lúc, U không còn tiền chơi game tiếp nên hỏi Phượng có biết chỗ nào cầm thế xe không, Phượng nói U qua nhà ông P, sinh năm 1957, ở Khu phố C, thị trấn M để cầm thế xe. U đem xe mô tô biển số 86B3 – 139.09 đến gặp ông Bán hỏi: “*chú có thế xe không?*”, ông Bán hỏi: “*xe này ở đâu mà có, có giấy tờ gì không?*”, U nói dối: “*con quen ông già trên Thuận Hòa nên ông cho con, có giấy tờ*”. Ông Bán tin tưởng đồng ý nhận cầm thế xe cùng giấy đăng ký xe với số tiền 2.000.000 đồng. U dùng số tiền 2.000.000 đồng nạp tiền chơi game và tiêu xài hết. Đến sáng ngày 08/7/2023, do không còn tiền nên U tiếp tục đến gặp ông Bán

thỏa thuận bán chiếc xe trên với giá 3.000.000 đồng. Ông Bán đồng ý, viết giấy mua bán xe và đưa U thêm số tiền 1.000.000 đồng, U dùng số tiền này tiêu xài cá nhân. Ngày 10/7/2023, ông Bán đã bán xe trên cùng giấy đăng ký xe cho một người (không rõ nhân thân) ở thành phố Phan Thiết với giá 5.500.000 đồng. Ông Trần Xuân H thấy U không đem xe mô tô về trả cho mình như đã hứa thì gọi điện cho U nhưng không được nên đến Công an xã trình báo sự việc. Công an xã Thuận Hòa mời Nguyễn Thị U làm việc thì U đã thừa nhận hành vi của mình như trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 56/KL- HDDGTS ngày 27/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hàm Thuận Bắc kết luận:

01 xe mô tô, biển số 86B3-139.09, nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, dung tích xi lanh 109, màu sơn xám đỏ đen, xe đăng ký lần đầu tháng 5/2012, đã qua sử dụng có trị giá là 4.400.000 đồng.

Về dân sự: Bị hại ông Trần Xuân H yêu cầu Nguyễn Thị U bồi thường trị giá trị chiếc xe mô tô biển số 86B3-139.09 theo định giá là 4.400.000 đồng. Đến nay U chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKSHTB ngày 30/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo Nguyễn Thị U về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như nội dung tại cáo trạng số 20/CT-VKSHTB ngày 30/01/2024.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị U từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị U phải bồi thường cho bị hại Trần Xuân H số tiền 4.400.000 đồng.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đã nêu. Bị cáo đã ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 4.400.000 đồng cho bị hại. Về hình sự, đề nghị xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trương Đ vắng mặt. Xét thấy, anh Toàn đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ. Căn cứ vào yêu cầu của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án P cũng như đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Toàn theo quy định tại Khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị U đã khai và thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với đơn tố giác tội phạm của bị hại, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận giám định và các chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó xác định: Lợi dụng mối quan hệ quen biết với bị hại Trần Xuân H, khoảng 18 giờ 15 phút ngày 07/7/2023, bị cáo Nguyễn Thị U đã mượn 01 xe mô tô biển số 86B3-139.09 của bị hại, nói rằng để đi ăn thối nôi con của người bạn, nhưng sau đó do không có tiền để chơi game nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, đem xe mô tô trên bán cho ông P với giá 3.000.000 đồng để lấy tiền tiêu xài. Giá trị xe mô tô mà bị cáo đã chiếm đoạt của ông Hải qua định giá là 4.400.000 đồng.

Từ đó đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện hàm Thuận Bắc truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo là hành vi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ nên cần phải xử lý và áp dụng những hình phạt nghiêm khắc tương xứng để trừng trị, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới; đồng thời tuyên truyền pháp luật và nâng cao ý thức đấu tranh phòng chống tội phạm trong xã hội.

[4]. Trong quá trình tố tụng, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về xử lý vật chứng: Xe mô tô biển số 86B3- 139.09 cùng giấy đăng ký xe, ông P đã bán cho một người (không rõ nhân thân) ở thành phố Phan Thiết nên không thu hồi được, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét, giải quyết.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.400.000 đồng, đến nay bị cáo chưa bồi thường nên phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại.

[6]. Anh Trương Đ là người đã chở U đến chỗ ông Hải mượn xe mô tô rồi cùng U đi đến nhà bạn của U là Nguyễn Thị Bích Phượng chơi nhưng Toàn không biết U lấy xe của ông Hải cầm thế rồi bán. Quá trình tố tụng, bị cáo cũng thừa nhận anh Toàn không biết gì về việc phạm tội của bị cáo nên không đồng phạm với bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự.

Ông P là người đã mua xe mô tô biển số 86B3- 139.09 của U nhưng ông Bán không biết xe này do U chiếm đoạt của người khác mà có. Do đó không có căn cứ để xử lý ông Bán về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị U phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị U 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Bị cáo Nguyễn Thị U phải bồi thường cho bị hại Trần Xuân H số tiền 4.400.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Căn cứ điểm a, điểm c, điểm g khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thị U phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (11/3/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc;
- Cơ quan THA hình sự CA Hàm Thuận Bắc;
- CQ CSĐT CA Hàm Thuận Bắc;
- Nhà tạm giữ CA Hàm Thuận Bắc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc;
- Cơ quan THA hình sự CA Hàm Thuận Bắc;
- CQ CSĐT CA Hàm Thuận Bắc;
- Nhà tạm giữ CA Hàm Thuận Bắc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc;
- Cơ quan THA hình sự CA Hàm Thuận Bắc;
- CQ CSĐT CA Hàm Thuận Bắc;
- Nhà tạm giữ CA Hàm Thuận Bắc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quân

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thị xã Lagi, ngày 21 tháng 7 năm 2016

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thái
- Các thẩm phán: Bà Trần Thị Ánh Tuyết và Bà Trần Thị Thiên Hương

Căn cứ vào các Điều 199; 222; 247 và khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

Ngày 26/7/2016, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Lê Bá Thủy phạm tội “Chứa mại dâm”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và quyết định như sau:

+ 3/3 ý kiến thống nhất:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Bá Thủy, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 18/2016/HSST ngày 11/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Bá Thủy, phạm tội "Chứa mại dâm".

Áp dụng điểm p khoản 1 điều 46, khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự xử phạt Lê Bá Thủy 18 tháng tù (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 13/01/2016 đến ngày 14/03/2016) thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

2. Về biện pháp tư pháp:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 02 vỏ bao cao su, 3 bao cao su đã qua sử dụng, 5 bao cao su chưa sử dụng, 2 tuýt nhựa hiệu KY.

- Áp dụng điểm a khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước 01 ĐTDĐ hiệu Viettel.

- Áp dụng điểm b khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước 750.000 đồng

- Áp dụng điểm b khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho Lê Bá Thủy 3 hộp bao cao su và 310.000 đồng. Tuy nhiên cần tạm giữ số tiền 310.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 22; khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án của UBTVQH 12 ngày 27/02/2009;

Buộc Lê Bá Thủy phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/7/2016

+ **Các ý kiến khác không đồng ý:** Không có

Biên bản lập xong cùng ngày. Chủ tọa phiên tòa đọc lại cho Hội đồng xét xử phúc thẩm nghe, công nhận đúng và cùng thống nhất ký tên:

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thái